ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 17218 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án Sửa chữa, cải tạo đường Nguyễn Thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Tây Ninh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3766/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc điều chỉnh và phân khai danh mục, mức vốn phân bổ còn lại cho các công trình để thực hiện bảo trì đường bộ năm 2026 do Sở Xây dựng làm Chủ đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho NSĐP năm 2026 và nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 11679/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phân công công việc Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, nhiệm kỳ 2026-2031;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10883/TTr-SXD ngày 04 tháng 9 năm 2026 và Văn bản số 10745/SXD-TĐPTGT ngày 28 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa, cải tạo đường Nguyễn Thông, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa, cải tạo đường Nguyễn Thông.

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông, nhóm C.

- Loại và cấp công trình chính: Công trình đường bộ (đường ô tô) cấp III (theo Thông tư số 34/2026/TT-BXD ngày 25 tháng 6 năm 2026).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

3. Mã định danh: Chưa thể tạo lập theo quy định.

4. Địa điểm xây dựng: xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh.

- Đường Nguyễn Thông đoạn từ Km0+000 – Km6+483.55, có tổng chiều dài khoảng 6.483,55m.

- Điểm đầu: Km0+000 (Giao với ĐT.827).

- Điểm cuối: Km6+483.55 (Giao với ĐT.827B).

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

7. Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến. Mã số doanh nghiệp: 3900838551.

8. Nhà thầu tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán: Công ty TNHH Đạt Toàn Thắng Long An. Mã số doanh nghiệp: 1101857265.

9. Mục tiêu dự án: Sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước nhằm đảm bảo thoát nước, đảm bảo an toàn giao thông, tăng tuổi thọ công trình và nâng cao hiệu quả khai thác của đoạn tuyến.

10. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp thiết kế:

10.1. Quy mô đầu tư:

Trên cơ sở nền, mặt đường hiện hữu, tiến hành sửa chữa thảm BTN C12.5 toàn bộ mặt đường có tổng chiều dài thiết kế sửa chữa khoảng 6.483,55m và bổ sung hệ thống thoát nước đoạn từ Km0+547.22 - Km0+840.

10.2. Giải pháp thiết kế:

10.2.1. Phần đường:

a) Thiết kế bình đồ:

- Điểm đầu: Km0+000 (Giao với ĐT.827).

- Điểm cuối: Km6+483.55 (Giao với ĐT.827B).

- Chiều dài thiết kế: L=6.483,55m.

- Tim tuyến được thiết kế chủ yếu bám sát theo tim đường hiện hữu, riêng đầu đoạn tuyến và cuối đoạn tuyến vuốt về hiện trạng

- Phạm vi sửa chữa: Nằm trong phạm vi đường cũ và hành lang an toàn đường bộ hiện có, không giải phóng mặt bằng.

b) Thiết kế trắc dọc:

Trên cơ sở trắc dọc tuyến hiện trạng, cao độ thiết kế tim đường cơ bản bám theo cao độ đường hiện hữu cộng thêm chiều dày lớp thảm BTN bảo trì mặt đường, đảm bảo vuốt nối êm thuận với các đường ngang.

c) Thiết kế trắc ngang:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+547.22

+ Bề rộng mặt đường : 7,00m

+ Bề rộng vỉa hè hiện hữu : 2,7m x 2 bên = 5,4m (đã bao gồm bó vỉa).

+ Bề rộng nền đường : 12,4m

- Đoạn từ Km0+547.22 đến Km0+686.76

+ Bề rộng mặt đường : 6,00m

+ Bề rộng vỉa hè : 1,6m x 2 bên = 3,2m (đã bao gồm bó vỉa).

+ Bề rộng nền đường : 9,2m

- Đoạn từ Km0+686.76 đến Km0+840.00

+ Bề rộng mặt đường : 6,00m

+ Bề rộng vỉa hè trái tuyến : 1,6m x 1 bên = 1,6m (đã bao gồm bó vỉa).

+ Bề rộng lề đường phải tuyến : 1,0m x 1 bên = 1,0m

+ Bề rộng nền đường : 8,6m

- Đoạn từ Km0+840.00 đến Km6+483.55

+ Bề rộng mặt đường : 6,00m

+ Bề rộng lề đường : 1,0m x 2 bên = 2,0m (đã bao gồm bó vỉa).

+ Bề rộng nền đường : 8,0m

d) Giải pháp sửa chữa mặt đường:

d.1) Kết cấu sửa chữa những vị trí hư hỏng cục bộ nền, mặt đường:

- Đào bỏ kết cấu mặt đường dày 24cm.

- Trải lớp nilon ngăn cách.

- Hoàn trả lớp bê tông xi măng đá 1x2, M300 dày 24cm (bằng cao độ hiện trạng).

d.2) Kết cấu sửa chữa những vị trí mặt đường bị oằn lún sâu *(phạm vi đường vào cầu Biện Trẹt từ Km4+940 – Km5+245 và phạm vi nút giao cuối tuyến tại Km6+460 dài 15m):*

- Cày sọc mặt đường hiện hữu;

- Thi công bù vênh lớp đá 4x6 chèn đá dăm đến cao độ thiết kế.

- Vệ sinh mặt đường, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 1,0kg/m^2.

- Thảm mặt đường bằng BTN C12.5, dày 7,0cm.

d.3) Kết cấu sửa chữa toàn bộ mặt đường (trừ phạm vi đường vào cầu Biện Trẹt từ Km4+940 – Km5+245 và phạm vi nút giao cuối tuyến tại Km6+460 dài 15m):

- Vệ sinh mặt đường, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

- Thảm bù vênh mặt đường bằng lớp BTN C12.5 đến cao độ thiết kế dày TB 3,2cm.

- Thảm mặt đường bằng BTN C12.5, dày 4,0cm đồng thời sau lớp bù vênh.

d.4) Kết cấu vuốt nối đường nhánh, nút giao trên tuyến:

- Vệ sinh mặt đường hiện trạng, tưới dính bám bằng nhũ tương CRS-1, tiêu chuẩn 0,5kg/m^2.

- Thảm BTN C12.5, dày trung bình 3,7cm.

d.5) Kết cấu lề đường: Đắp bù phụ lề đường hai bên bằng đất sau khi thảm tăng cường mặt đường, độ chặt K≥0,95.

d.6) Kết cấu bó vỉa:

- Bó vỉa bằng bê tông đá 1x2, M300, rộng 60cm đổ tại chỗ.

- Lớp lót bằng bê tông đá 1x2, M150, dày 10cm.

10.2.2. Giải pháp sửa chữa hệ thống thoát nước:

Bổ sung hệ thống thoát nước dọc có khẩu độ Ø80cm các đoạn: Km0+547.22 - Km0+686.76 (2 bên); Km0+686.76 - Km0+840 (TT) hướng thoát nước về kênh ngang tại hố ga GT1 (Km0+547.22 - phía bên trái tuyến). Tổng chiều dài bổ sung khoảng 432,32md, với kết cấu:

- Kết cấu cống loại đặt dưới vỉa hè:

+ Ống cống bê tông cốt thép đúc sẵn có khẩu độ Ø80cm được sản xuất theo công nghệ quay rung ép, chiều dài mỗi đốt (1,00÷2,50)m loại vỉa hè.

+ Gối cống bằng BTCT đá (1x2), M200.

+ Lớp bê tông lót đá (1x2), M150, dày 10cm.

+ Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.

+ Nền móng cống được gia cố cừ tràm với mật độ 16cây/m^2. Quy cách cừ tràm L= 4,0m/cây, Øngọn = (4,0÷4,5)cm, Øgốc= (8÷10)cm.

+ Lưng cống đắp cát dày 30cm, độ chắt K≥0,95 và lớp trên cùng đắp bằng đất tận dụng đầm chặt K≥0,95.

- Kết cấu hố ga thu nước:

+ Hố ga bằng BTXM đá (1x2), M250.

+ Lớp bê tông lót đá (1x2), M150, dày 10cm.

+ Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.

+ Nền móng hố ga được gia cố cừ tràm với mật độ 25cây/m^2. Quy cách cừ tràm L= 4,0m/cây, Øngọn = (4,0÷4,5)cm, Øgốc = (8÷10)cm.

+ Khuôn hầm bằng BTCT đá 1x2, M250.

+ Nắp đan hố ga bằng BTCT đá 1x2, M250.

+ Cửa thu nước bằng BTCT đá 1x2, M250.

+ Lưới chắn rác bằng thép mạ kẽm.

- Cửa xả:

+ Lắp đặt mới ống cống bê tông cốt thép đúc sẵn dài 1.0md có khẩu độ Ø80cm đặt trên hố ga GT1 (bên trái tuyến) để thoát ra kênh ngang hiện hữu

10.3. Hệ thống an toàn giao thông:

Tận dụng lại hệ thống an toàn giao thông hiện hữu trên tuyến, thực hiện di dời và thay mới các trụ biển báo, cọc Km và sơn hoàn trả vạch sơn theo đúng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024 của Bộ GTVT

11. Số bước thiết kế, Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

Thiết kế 01 bước; Danh mục tiêu chuẩn theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật do đơn vị tư vấn lập và theo văn bản thẩm định số 10745/SXD-TĐPTGT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Sở Xây dựng trên cơ sở đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án; Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

Tổng mức đầu tư xây dựng dự án *(làm tròn)*: **21.628.653.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai mươi mốt tỷ, sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	18.193.329.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	360.167.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.301.267.000	đồng
- Chi phí khác	264.914.000	đồng
- Dự phòng phí	1.508.976.000	đồng

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2027.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Vốn bảo trì đường bộ năm 2026 - 2027.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Chủ đầu tư (Sở Xây dựng) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật hiện hành đối với các nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Tổng mức đầu tư xây dựng dự án được duyệt là giới hạn tối đa cho phép để Chủ đầu tư lựa chọn phương án thực hiện công trình.

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và toàn bộ kết quả thẩm định, đảm bảo mục tiêu, hiệu quả đầu tư, theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVIII; Chủ tịch UBND xã Tầm Vu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Duy.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Lâm